



BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Tin học HPT hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Tin học HPT (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002304 ngày 11 tháng 5 năm 2004 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu và số 0301447426 (số đăng ký kinh doanh cũ 4103002304) thay đổi lần thứ 2 ngày 18 tháng 12 năm 2010.

Công ty có trụ sở chính được đặt tại 60 đường Nguyễn Văn Trỗi, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh, chi nhánh trực thuộc được đặt tại quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

2. Hoạt động chính

- Mua bán, dịch vụ sửa chữa các thiết bị máy tính, máy vi tính, thiết bị văn phòng;
- Mua bán phần mềm máy tính, các thiết bị và linh kiện trong ngành công nghệ thông tin; máy vẽ, thiết bị phục vụ thiết kế, vật tư ngành in;
- Tư vấn, thiết kế hệ thống máy tính;
- Thi công lắp đặt và chuyển giao công nghệ hệ thống mạng máy tính;
- Cung cấp các phần mềm ứng dụng và sản xuất phần mềm;
- Đào tạo và chuyển giao công nghệ.

3. Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm tài chính này và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông	Ngô Vi Đồng	Chủ tịch
Bà	Đinh Hà Duy Trinh	Thành viên
Ông	Đinh Hà Duy Linh	Thành viên
Ông	Nguyễn Đức Tiến	Thành viên
Bà	Hàn Nguyệt Thu Hương	Thành viên
Ông	Nguyễn Quyền	Thành viên
Ông	Trần Anh Hoàng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông	Đinh Hà Duy Linh	Tổng Giám đốc (được bổ nhiệm từ ngày 01 tháng 01 năm 2011, trước đó là Phó Tổng Giám đốc)
Ông	Ngô Vi Đồng	Tổng Giám đốc (từ nhiệm từ ngày 01 tháng 01 năm 2011)
Bà	Đinh Hà Duy Trinh	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm từ ngày 01 tháng 01 năm 2011)

4. Đánh giá tình hình kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Kiểm toán viên

Công ty TNHH BDO Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

8. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



The image shows a red circular stamp of HPT Vietnam Corporation. The stamp contains the text: 'SĐKK. 03014474', 'CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN', 'HPT', and 'Q. PHÚ NHUẬN - TP. HỒ CHÍ MINH'. A blue ink signature is written over the stamp.

Ông NGÔ VI ĐỒNG

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2011

Số : 00047HCM/084.10

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm : Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Tin học HPT (gọi tắt là “Công ty”), được trình bày từ trang 4 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này là thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đính kèm theo đây, đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Tin học HPT, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Thanh

NGUYỄN THỊ THANH

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số 0185/KTV

CÔNG TY TNHH BDO VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2011



NGUYỄN THỊ THÚY NGÀ

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 0428/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		336.570.578.453	291.891.462.473
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	19.412.052.159	28.347.178.728
Tiền	111		19.412.052.159	8.347.178.728
Các khoản tương đương tiền	112		-	20.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.000.000	2.000.000
Đầu tư ngắn hạn	121		2.000.000	2.000.000
Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu	130		302.305.851.784	229.066.274.330
Phải thu khách hàng	131	4.2	295.595.177.881	204.423.176.119
Trả trước cho người bán	132	4.3	6.739.310.053	24.674.732.361
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135		2.998.000	-
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	4.2	(31.634.150)	(31.634.150)
Hàng tồn kho	140	4.4	12.507.792.381	27.645.787.341
Hàng tồn kho	141		12.507.792.381	27.645.787.341
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150	4.5	2.342.882.129	6.830.222.074
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		307.934.072	253.669.135
Thuế GTGT được khấu trừ	152		664.374.684	1.108.405.689
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		1.370.573.373	5.468.147.250

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		13.198.887.367	12.948.997.580
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		3.709.164.545	3.949.266.485
Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	3.282.782.514	3.558.640.928
Nguyên giá	222		15.373.173.018	13.712.134.817
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.090.390.504)	(10.153.493.889)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	4.7	426.382.031	390.625.557
Nguyên giá	228		1.776.861.758	1.476.546.658
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.350.479.727)	(1.085.921.101)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	4.8	7.402.850.000	6.765.350.000
Đầu tư vào công ty con	251		-	1.650.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		4.800.000.000	3.360.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258		2.602.850.000	2.167.850.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	(412.500.000)
Tài sản dài hạn khác	260		2.086.872.822	2.234.381.095
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.9	1.585.126.435	1.667.213.166
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268	4.10	501.746.387	567.167.929
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		349.769.465.820	304.840.460.053

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

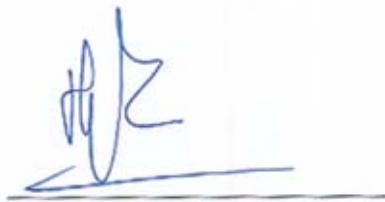
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		266.224.152.503	252.622.311.215
Nợ ngắn hạn	310		266.133.152.503	230.930.871.215
Vay và nợ ngắn hạn	311	4.11	151.846.885.222	134.855.492.325
Phải trả cho người bán	312	4.12	79.249.806.389	74.711.482.715
Người mua trả tiền trước	313		2.091.342.865	9.031.058.024
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.13	12.552.699.486	7.239.963.571
Phải trả công nhân viên	315	4.14	6.500.000.000	4.000.432.313
Chi phí phải trả	316	4.14	8.448.380.114	519.291.721
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.14	4.042.084.222	280.415.223
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	4.15	1.401.954.205	292.735.323
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
Nợ dài hạn	330		91.000.000	21.691.440.000
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334	4.16	91.000.000	21.691.440.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		83.545.313.317	52.218.148.838
Vốn chủ sở hữu	410	4.17	83.545.313.317	52.218.148.838
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		59.892.990.000	38.476.550.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		139.500.000	139.500.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		(2.155.280.020)	(730.500.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(255.011.816)	(1.107.200.737)
Quỹ đầu tư phát triển	417		753.240.000	753.240.000
Quỹ dự phòng tài chính	418		1.689.332.370	750.538.370
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		23.480.542.783	13.936.021.205
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		349.769.465.820	304.840.460.053

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		47.894.173	47.894.173
Ngoại tệ các loại (USD)	4.1	2.298,83	8.728,27
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI
Kế toán trưởng



ĐINH HÀ DUY LINH
Tổng Giám đốc

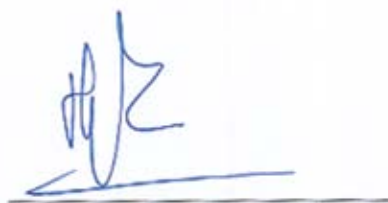
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	2010 VND	2009 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		801.347.233.894	703.997.546.318
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		379.367.519	2.071.258.519
Doanh thu thuần	10	5.1	800.967.866.375	701.926.287.799
Giá vốn hàng bán	11		689.964.308.670	615.794.411.988
Lợi nhuận gộp	20		111.003.557.705	86.131.875.811
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.2	5.419.039.159	4.073.797.506
Chi phí tài chính	22	5.3	23.022.321.566	15.945.472.542
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>16.271.300.591</i>	<i>9.715.643.867</i>
Chi phí bán hàng	24	5.4	40.653.489.324	38.581.867.870
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.5	26.681.004.121	19.529.380.797
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		26.065.781.853	16.148.952.108
Thu nhập khác	31	5.6	6.057.610.435	66.819.148.940
Chi phí khác	32	5.7	280.883.032	58.104.968.574
Lợi nhuận khác	40		5.776.727.403	8.714.180.366
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		31.842.509.256	24.863.132.474
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.8	7.792.628.562	4.351.048.183
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		24.049.880.694	20.512.084.291
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.9	4.061	5.409



NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI
Kế toán trưởng



ĐÌNH HÀ DUY LINH
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	2010 VND	2009 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	31.842.509.256	24.863.132.474
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.201.455.241	2.701.885.972
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	-	360.840.550
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	374.603.808	(909.484.641)
Chi phí lãi vay	06	16.271.300.591	9.715.643.867
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	50.689.868.896	36.732.018.222
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(65.927.150.287)	(116.592.977.715)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	15.137.994.960	36.106.366.153
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	15.205.000.838	61.626.673.355
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	27.821.794	1.157.545.299
Tiền lãi vay đã trả	13	(15.318.992.841)	(9.715.643.867)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(7.788.318.296)	(3.196.942.127)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(3.584.750.118)	(1.740.191.022)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(11.558.525.054)	4.376.848.298
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.961.353.301)	(1.670.279.381)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	193.454.544
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(891.056.400)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	10.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.030.000.000)	(1.920.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.069.185.045	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	938.711.147	1.005.045.929
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.973.457.109)	(3.282.835.308)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	-
Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(1.424.780.020)	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	512.042.750.966	344.268.088.085
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(496.168.558.629)	(321.895.667.200)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.854.208.500)	(10.996.785.501)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	5.595.203.817	11.375.635.384
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(8.936.778.346)	12.469.648.374
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	28.347.178.728	15.870.175.069
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.651.777	7.355.285
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	19.412.052.159	28.347.178.728


NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI
 Kế toán trưởng



ĐINH HÀ DUY LINH
 Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Tin học HPT (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002304 ngày 11 tháng 5 năm 2004 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu và số 0301447426 (số mới) thay đổi lần thứ 2 ngày 18 tháng 12 năm 2010.

Văn phòng Công ty được đặt tại số 60 đường Nguyễn Văn Trỗi, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau :

- Chi nhánh Công ty Dịch Vụ Công Nghệ Tin Học HPT: số 123 phố Xã Đàn, phường Phương Liên, quận Đống Đa, TP. Hà Nội
- Trung tâm HPT Tích Hợp Hệ Thống: số 62 Nguyễn Văn Trỗi, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
- Trung tâm Phát Triển Phần Mềm HPT (HPT Soft): 139 Pasteur, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Trung tâm Bảo Hành HPT: số 62 Nguyễn Văn Trỗi, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Trong năm 2010, hoạt động chính của Công ty là:

- Mua bán, dịch vụ sửa chữa các thiết bị máy tính, máy vi tính, thiết bị văn phòng;
- Mua bán phần mềm máy tính, các thiết bị và linh kiện trong ngành công nghệ thông tin; máy vẽ, thiết bị phục vụ thiết kế, vật tư ngành in;
- Tư vấn, thiết kế hệ thống máy tính;
- Thi công lắp đặt và chuyển giao công nghệ hệ thống mạng máy tính;
- Cung cấp các phần mềm ứng dụng và sản xuất phần mềm;
- Đào tạo và chuyển giao công nghệ.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, tổng số nhân viên của Công ty là 272 người (năm 2009: 280 người), trong đó số nhân viên quản lý là 16 người.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam, được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (“VND”).

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ.

Vào thời điểm cuối năm tài chính, các khoản mục tiền tệ (tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, nợ phải trả) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá của ngân hàng giao dịch tại ngày này. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được ghi nhận như sau :

- Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10), tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

- Theo hướng dẫn trong Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính, các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại được ghi nhận như sau:
 - ▶ Đối với các khoản mục tiền và các khoản nợ ngắn hạn: các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại không ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm mà được trình bày trong khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái trên Bảng cân đối kế toán.
 - ▶ Đối với các khoản phải thu dài hạn: các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.
 - ▶ Đối với các khoản phải trả dài hạn: các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm. Trường hợp chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản phải trả này tính vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì được phân bổ một phần chênh lệch tỷ giá cho các năm sau nhưng không quá 5 năm để doanh nghiệp không bị lỗ nhưng phần chênh lệch tỷ giá tính vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số ngoại tệ đến hạn phải trả trong năm đó.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã chọn cách ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại theo hướng dẫn trong Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá hàng tồn kho và đảm bảo giá trị được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Giá xuất kho được áp dụng theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho số lỗ ước tính phát sinh khi giá gốc vượt quá giá trị có thể thực hiện được của hàng tồn kho vào ngày kết thúc năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào khoản mục giá vốn hàng bán trong năm tài chính.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Máy móc thiết bị 5 – 8 năm

Phương tiện vận tải 6 năm

Thiết bị văn phòng 3 năm

3.6 Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 8 năm.

3.7 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí đào tạo, nghiên cứu khoa học kỹ thuật, chi phí sửa chữa văn phòng công ty, chi phí công cụ, và dụng cụ chờ kết chuyển, thời gian phân bổ từ 2 đến 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

3.8 Các khoản đầu tư

Các chứng khoán đầu tư ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn được lập khi giá thị trường thấp hơn giá sổ sách.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo phương pháp giá gốc.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm.

3.10 Doanh thu

Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

3.11 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm theo thuế suất 25% trên thu nhập tính thuế.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tiền mặt tồn quỹ	217.742.844	827.040.700
Tiền gửi ngân hàng	19.194.309.315	7.520.138.028
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng	-	20.000.000.000
	<u>19.412.052.159</u>	<u>28.347.178.728</u>

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, số dư tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ là 2.298,83 USD tương đương 44.827.185 VND.

4.2 Các khoản phải thu thương mại

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Phải thu thương mại – bên thứ ba	295.595.177.881	204.423.176.119
Dự phòng phải thu khó đòi	(31.634.150)	(31.634.150)
	<u>295.563.543.731</u>	<u>204.391.541.969</u>

4.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Trả trước người bán – bên thứ ba	6.739.310.053	24.674.732.361
	<u>6.739.310.053</u>	<u>24.674.732.361</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

4.4 Hàng tồn kho

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Vật tư thiết bị	3.298.316.894	9.673.846.532
Chi phí trực tiếp phát sinh có liên quan đến quá trình lắp đặt hay dịch vụ đang cung cấp dở dang	9.209.475.487	17.971.940.809
	<u>12.507.792.381</u>	<u>27.645.787.341</u>

4.5 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	307.934.072	253.669.135
- Chi phí thuê mặt bằng, văn phòng	195.093.000	177.918.200
- Các chi phí chờ kết chuyển khác	112.841.072	75.750.935
Thuế GTGT được khấu trừ	664.374.684	1.108.405.689
Tài sản ngắn hạn khác	1.370.573.373	5.468.147.250
- Tạm ứng	1.116.467.840	394.434.742
- Kỳ quỹ ngắn hạn	254.105.533	5.073.712.508
	<u>2.342.882.129</u>	<u>6.830.222.074</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

4.6 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Vào ngày 01/01/2010	11.383.118.810	2.115.471.521	213.544.486	13.712.134.817
Tăng trong năm	1.070.895.997	-	590.142.204	1.661.038.201
Phân loại lại tài sản	25.296.259	-	(25.296.259)	-
Vào ngày 31/12/2010	12.479.311.066	2.115.471.521	778.390.431	15.373.173.018
Giá trị hao mòn lũy kế				
Vào ngày 01/01/2010	9.147.274.494	828.780.679	177.438.716	10.153.493.889
Khấu hao trong năm	1.506.261.213	352.578.587	78.056.815	1.936.896.615
Phân loại lại tài sản	25.296.259	-	(25.296.259)	-
Vào ngày 31/12/2010	10.678.831.966	1.181.359.266	230.199.272	12.090.390.504
Giá trị còn lại				
Vào ngày 01/01/2010	2.235.844.316	1.286.690.842	36.105.770	3.558.640.928
Vào ngày 31/12/2010	1.800.479.100	934.112.255	548.191.159	3.282.782.514

Đến 31 tháng 12 năm 2010, nguyên giá tài sản cố định khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 9.280.506.352 VND.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, giá trị còn lại của xe Toyota Camry dùng thế chấp để đảm bảo khoản vay trung hạn tại BIDV – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh là 598.189.625 VND.

4.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính VND
Nguyên giá	
Vào ngày 01/01/2010	1.476.546.658
Tăng trong năm	300.315.100
Vào ngày 31/12/2010	1.776.861.758
Giá trị hao mòn lũy kế	
Vào ngày 01/01/2010	1.085.921.101
Khấu hao trong năm	264.558.626
Vào ngày 31/12/2010	1.350.479.727
Giá trị còn lại	
Vào ngày 01/01/2010	390.625.557
Vào ngày 31/12/2010	426.382.031

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

4.8 Đầu tư tài chính dài hạn

		31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Đầu tư vào công ty con	(a)	-	1.650.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	(b)	4.800.000.000	3.360.000.000
Đầu tư dài hạn khác		2.602.850.000	2.167.850.000
- Trái phiếu chính phủ		-	10.000.000
- Góp vốn vào Công ty CP Phát triển Kinh tế Phú Nhuận		-	1.145.000.000
- Mua cổ phần Vietinbank	(c)	1.152.850.000	1.012.850.000
- Mua 50.000 cổ phần Maseco, mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.		1.450.000.000	-
		7.402.850.000	7.177.850.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	(412.500.000)
		7.402.850.000	6.765.350.000

- (a) Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần công nghệ HPT Liên kết với tỷ lệ nắm giữ là 55% vốn điều lệ. Trong năm 2010, Công ty cổ phần công nghệ HPT Liên kết đã được giải thể và đã hoàn tất thủ tục khoá mã số thuế vào ngày 8 tháng 11 năm 2010.
- (b) Đây là khoản đầu tư vào Công ty cổ phần công nghệ cao Tong Yang để nắm giữ 30% vốn điều lệ. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã góp đủ vốn theo điều lệ với số tiền là 4,8 tỷ VND.
- (c) Ngoài số 50.000 cổ phần của Vietinbank được mua trong năm 2009, trong năm 2010, Công ty mua thêm 14.000 cổ phần và nhận thêm từ Vietinbank 3.415 cổ phiếu thưởng. Đến 31 tháng 12 năm 2010, Công ty   hữu 67.415 cổ phần của Vietinbank với tổng trị giá đã đầu tư là 1.152.850.000 VND.

4.9 Chi phí trả trước dài hạn

	Thời gian phân bổ	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Chi phí đào tạo, nghiên cứu khoa học kỹ thuật	2 năm	728.205.003	435.562.330
Chi phí sửa chữa văn phòng Công ty	3 năm	334.443.827	548.977.318
Chi phí công cụ, dụng cụ	3 năm	522.477.605	682.673.518
		1.585.126.435	1.667.213.166

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

4.10 Tài sản dài hạn khác

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Ký quỹ dài hạn :		
- thuê văn phòng	312.781.520	312.781.520
- khác	188.964.867	254.386.409
	<u>501.746.387</u>	<u>567.167.929</u>

4.11 Vay ngắn hạn và vay dài hạn đến hạn trả

		31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Vay ngắn hạn ngân hàng bằng VND	(a)	53.640.945.867	83.033.021.533
Vay ngắn hạn ngân hàng bằng USD	(b)	72.258.066.855	47.411.263.721
Vay ngắn hạn cá nhân bằng VND	(c)	25.045.005.000	3.544.550.000
Vay ngắn hạn cá nhân bằng USD	(d)	718.867.500	632.657.071
Vay ngắn hạn		151.662.885.222	134.621.492.325
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 4.16)		184.000.000	234.000.000
		<u>151.846.885.222</u>	<u>134.855.492.325</u>

(a) Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng bằng VND bao gồm :

Ngân hàng	Thời hạn vay	Lãi suất (LS)	Tài sản đảm bảo	Số dư 31/12/2010 VND
NH TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB)	tối đa 6 tháng cho mỗi khế ước nhận nợ	LS điều chuyển vốn VND của VIB kỳ hạn 3 tháng + biên độ LS	Tài sản cá nhân của Bà Hàn Nguyệt Thu Hương, Thành viên HĐQT	45.008.724.845
NH Đầu tư và Phát triển - CN TP.HCM	4 - 5 tháng	13% - 16,5%/năm	Tài khoản tiền gửi tại các ngân hàng	6.937.725.677
NH TMCP An Bình	1 năm	17,5%/năm	Hàng tồn kho và khoản phải thu	1.694.495.345
				<u>53.640.945.867</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

(b) Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng bằng USD bao gồm :

Ngân hàng	Thời hạn vay	Lãi suất (LS)	Tài sản đảm bảo	Số dư 31/12/2010	
				Gốc USD	tương đương VND
NH TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB)	tối đa 6 tháng cho mỗi khế ước nhận nợ	LS điều chuyển vốn USD của VIB kỳ hạn 3 tháng + biên độ LS	Tài sản cá nhân của Bà Hàn Nguyệt Thu Hương, Thành viên HĐQT	1.476.652,43	28.794.722.385
NH Đầu tư và Phát triển - CN TP.HCM	5 tháng	5,7% - 6,5%/năm	tài khoản tiền gửi tại các ngân hàng	950.565,55	18.536.028.225
NH TMCP An Bình	1 năm	7%/năm	Hàng tồn kho và khoản phải thu	1.239.376,61	24.167.843.895
HSBC	3 tháng	4,1% - 8,5%/năm		38.947,30	759.472.350
				3.705.541,89	72.258.066.855

(c) Các khoản vay ngắn hạn cá nhân bằng VND không có thế chấp, với thời hạn vay từ 5 đến 12 tháng với lãi suất từ 9,5% đến 12%/năm để bổ sung vốn lưu động.

(d) Các khoản vay ngắn hạn cá nhân bằng USD không có thế chấp trong thời hạn 12 tháng với lãi suất từ 4%/năm đến 6%/năm để bổ sung vốn lưu động.

4.12 Phải trả thương mại

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Phải trả thương mại – bên thứ ba	79.249.806.389	74.711.482.715

4.13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	8.327.617.322	2.850.486.323
Thuế nhập khẩu	59.374.844	888.234.793
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.129.769.236	3.107.071.355
Thuế thu nhập cá nhân	244.442.474	340.014.987
Thuế nhà thầu	791.495.610	54.156.113
	12.552.699.486	7.239.963.571

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

4.14 Các khoản phải trả ngắn hạn

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Phải trả người lao động	6.500.000.000	4.000.432.313
Chi phí phải trả	8.448.380.114	519.291.721
<i>Chi phí phải trả bảo hành</i>	144.438.864	519.291.721
<i>Chi phí phải trả triển khai các dự án</i>	8.303.941.250	-
Phải trả ngắn hạn khác	4.042.084.222	280.415.223
<i>Kinh phí công đoàn</i>	34.400.000	41.900.000
<i>Phải trả lãi vay cá nhân</i>	1.037.482.713	85.174.963
<i>Cổ tức phải trả</i>	220.055.625	-
<i>Mượn tiền cá nhân bên liên quan, không lãi suất, không có thế chấp (Thuyết minh 6.1)</i>	2.700.000.000	-
<i>Phải trả khác</i>	50.145.884	153.340.260
	18.990.464.336	4.800.139.257

4.15 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	2010 VND	2009 VND
Số dư đầu năm	292.735.323	8.142.534
Tăng do trích từ lợi nhuận	4.693.969.000	1.643.900.000
Sử dụng trong năm	(3.584.750.118)	(1.359.307.211)
Số dư cuối năm	1.401.954.205	292.735.323

4.16 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Vay dài hạn ngân hàng	275.000.000	509.000.000
Trái phiếu chuyển đổi	-	21.416.440.000
Trừ : Nợ dài hạn đến hạn trả	(184.000.000)	(234.000.000)
	91.000.000	21.691.440.000

Đây là khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (BIDV) trong thời hạn 36 tháng, với lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân 12 tháng trả lãi sau + 3,2% / năm; xe Toyota Camry, tài sản hình thành từ vốn vay là tài sản đảm bảo cho vốn vay.

Trong năm 2007, Công ty đã phát hành 2.141.644 trái phiếu chuyển đổi theo Thông báo của Chủ tịch Hội đồng Quản trị ngày 9 tháng 11 năm 2007; giá phát hành bằng với mệnh giá là 10.000VND/trái phiếu; lãi suất trái phiếu là 10%/năm được trả vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Các trái phiếu này được phát hành cho đối tượng là cổ đông hiện hữu và người lao động của Công ty vào thời điểm đó và được chuyển đổi thành cổ phiếu theo tỷ lệ 1:1 trong tháng 1 năm 2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

4.17 Vốn chủ sở hữu

4.17.1 Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước (01/01/2009)	38.476.550.000	139.500.000	(730.500.000)	-	342.240.000	339.538.370	7.267.506.226	45.834.834.596
Lợi nhuận tăng năm trước	-	-	-	-	-	-	20.512.084.291	20.512.084.291
Trích lập quỹ	-	-	-	-	411.000.000	411.000.000	(822.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(1.643.900.000)	(1.643.900.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(10.996.785.501)	(10.996.785.501)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(380.883.811)	(380.883.811)
Đánh giá số dư có gốc ngoại tệ	-	-	-	(1.107.200.737)	-	-	-	(1.107.200.737)
Số dư cuối năm trước (31/12/2009)	38.476.550.000	139.500.000	(730.500.000)	(1.107.200.737)	753.240.000	750.538.370	13.936.021.205	52.218.148.838
Số dư đầu năm nay (01/01/2010)	38.476.550.000	139.500.000	(730.500.000)	(1.107.200.737)	753.240.000	750.538.370	13.936.021.205	52.218.148.838
Tăng vốn trong năm (thuyết minh 4.16)	21.416.440.000	-	-	-	-	-	-	21.416.440.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	24.049.880.694	24.049.880.694
Trích lập quỹ	-	-	-	-	938.794.000	938.794.000	(938.794.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(4.693.969.000)	(4.693.969.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(8.854.208.500)	(8.854.208.500)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(1.424.780.020)	-	-	-	-	(1.424.780.020)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(18.387.616)	(18.387.616)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	-	1.107.200.737	-	-	-	1.107.200.737
Đánh giá số dư có gốc ngoại tệ	-	-	-	(255.011.816)	-	-	-	(255.011.816)
Số dư cuối năm nay (31/12/2010)	59.892.990.000	139.500.000	(2.155.280.020)	(255.011.816)	753.240.000	1.689.332.370	23.480.542.783	83.545.313.317

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

4.17.2 Vốn đầu tư của Chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301447426 thay đổi lần thứ 2 ngày 18 tháng 12 năm 2010 (số đăng ký kinh doanh cũ 4103002304) được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty là 59.892.990.000VND, được chia thành 5.989.299 cổ phần, với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần

4.17.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	2010 VND	2009 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	38.476.550.000	38.476.550.000
Vốn góp tăng trong năm	21.416.440.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	59.892.990.000	38.476.550.000
Trừ : Cổ phiếu quỹ (theo mệnh giá)	(1.556.600.000)	(556.600.000)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu (cổ phiếu đang lưu hành)	58.336.390.000	37.919.950.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	8.854.208.500	10.996.785.501

4.17.4 Cổ phiếu

	31/12/2010	01/01/2010
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.989.299	3.847.655
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	5.989.299	3.847.655
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Cổ phiếu phổ thông	(155.660)	(55.660)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	5.833.639	3.791.995
Mệnh giá cổ phiếu	10.000VND/CP	10.000VND/CP

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

5.1 Doanh thu

	2010 VND	2009 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	801.347.233.894	703.997.546.318
Các khoản giảm trừ doanh thu	(379.367.519)	(2.071.258.519)
Doanh thu thuần	800.967.866.375	701.926.287.799

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

5.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	2010 VND	2009 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	938.711.147	1.005.045.929
Lãi do chênh lệch tỷ giá	4.480.328.012	3.068.751.577
	5.419.039.159	4.073.797.506

5.3 Chi phí tài chính

	2010 VND	2009 VND
Chi phí lãi tiền vay	16.271.300.591	9.715.643.867
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	329.206.400
Lỗ đầu tư vào công ty con	1.221.714.955	-
Lỗ chuyển nhượng cổ phiếu	91.600.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.437.706.020	5.825.323.276
Khác	-	75.298.999
	23.022.321.566	15.945.472.542

5.4 Chi phí bán hàng

	2010 VND	2009 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	26.253.190.879	23.051.779.653
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.498.222.164	1.826.153.246
Chi phí công cụ	837.466.409	1.133.161.630
Chi phí vận chuyển	426.457.099	405.887.005
Chi phí bảo hành	174.540.409	500.185.864
Chi phí quảng cáo	4.153.876.248	4.462.407.305
Thuê mặt bằng	4.415.808.156	4.719.223.458
Chi phí khác	2.893.927.960	2.483.069.709
	40.653.489.324	38.581.867.870

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

5.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2010 VND	2009 VND
Chi phí nhân viên quản lý	12.307.021.919	9.791.896.625
Đồ dùng văn phòng	1.113.727.052	1.105.170.916
Chi phí khấu hao tài sản cố định	703.233.077	875.732.726
Chi phí dự phòng	-	31.634.150
Phí ngân hàng	1.048.823.281	1.066.779.288
Phí, lệ phí	6.981.325.319	3.910.343.194
Chi phí quản lý khác	4.526.873.473	2.747.823.898
	26.681.004.121	19.529.380.797

5.6 Thu nhập khác

	2010 VND	2009 VND
Thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại số 205A Hoàng Văn Thụ, quận Phú Nhuận	-	65.000.000.000
Tiền thưởng doanh số mua hàng từ các nhà cung cấp	5.970.678.981	1.430.261.113
Tiền thu thanh lý tài sản cố định	-	193.454.544
Khác	86.931.454	195.433.283
	6.057.610.435	66.819.148.940

5.7 Chi phí khác

	2010 VND	2009 VND
Chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	56.974.137.294
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý	-	289.015.832
Tiền phạt hợp đồng	263.006.680	263.642.850
Khác	17.876.352	578.172.598
	280.883.032	58.104.968.574

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

5.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành

	2010 VND	2009 VND
Lợi nhuận trước thuế theo kế toán	31.842.509.256	24.863.132.474
Điều chỉnh các khoản tăng/giảm lợi nhuận kế toán khi xác định thu nhập chịu thuế:		
- Chi phí không được trừ	72.087.673	-
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của các khoản phải trả	(744.082.682)	-
Lợi nhuận chịu thuế trong năm	<u>31.170.514.247</u>	<u>24.863.132.474</u>
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	7.792.628.562	6.215.783.119
Thuế TNDN được giảm 30% (theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC)	-	(1.864.734.936)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>7.792.628.562</u>	<u>4.351.048.183</u>

5.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

		2010	2009
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	VND	24.049.880.694	20.512.084.291
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	VND	24.049.880.694	20.512.084.291
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	cổ phiếu	5.922.481	3.791.995
Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu	VND/cổ phiếu	4.061	5.409

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

6. Thông tin khác

6.1. Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

Các cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan :

<i>Họ và tên</i>	<i>Quan hệ</i>
Ngô Vi Đồng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Đình Hà Duy Linh	Thành viên Hội đồng quản trị / Tổng Giám đốc Công ty
Đình Hà Duy Trinh	Thành viên Hội đồng quản trị
Hàn Nguyệt Thu Hương	Thành viên Hội đồng quản trị

Trong năm tài chính này có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các cá nhân liên quan trên như sau :

<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>
Cho Công ty mượn tiền không tính lãi	2.700.000.000
Cho Công ty vay có tính lãi	38.953.000.000
Công ty trả nợ vay	17.270.000.000
Chi phí lãi vay	1.316.869.997

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, số dư các khoản phải trả cho các cá nhân liên quan này như sau:

<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>
Cho Công ty mượn tiền không tính lãi	2.700.000.000
Cho Công ty vay có tính lãi	24.853.000.000
Chi phí lãi vay	1.012.370.000

Các khoản chi trả trong năm 2010 cho các nhân sự chủ chốt (các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc) như sau :

	<i>VND</i>
Lương và thưởng	3.733.624.002
Các khoản khác	299.716.369
	4.033.340.371

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

6.2. Các giao dịch chủ yếu không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Tăng vốn do chuyển trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu trong năm 2010 là 21.416.440.000VND.

6.3. Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.



NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI
Kế toán trưởng



ĐINH HÀ DUY LINH
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2011